

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – C
THÀNH PHỐ C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2025/DS-ST
Ngày: 22/9/2025.
V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Ngô Văn Hưng.

2/ Bà Đặng Việt Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Anh Thảo – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – C tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 485/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Lý Thanh Q, sinh năm 1989 (Là chủ hộ kinh doanh bách hóa tổng hợp Trung K); Địa chỉ: Số nhà 196 Trần Hưng Đ, phường 2, thành phố S, tỉnh S (Nay là số nhà 196 Trần Hưng Đ, phường Phú L, thành phố C).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số nhà 2D Phú L, phường 2, thành phố S, tỉnh S (Nay là số nhà 2D Phú L, phường Phú L, thành phố C) (Ông Đ có mặt tại phiên tòa).

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Căn 07 lô B8, Khu dân cư Lê T, đường An Dương V, khóm 1, phường 10, thành phố S, tỉnh S (Nay là Căn 07 lô B8, Khu dân cư Lê T, đường An Dương V, phường Mỹ X, thành phố C) (Ông H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 7 năm 2024 của nguyên đơn ông Lý Thanh Q, các lời khai trong quá trình giải quyết án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn Đ trình bày:

Ông Lý Thanh Q là chủ cửa hàng Trung K và kinh doanh tại địa chỉ số 196, đường Trần Hưng Đ, phường 2, thành phố S, tỉnh S (Nay là số 196 Trần Hưng Đ, phường Phú L, thành phố C). Vào năm 2023, thông qua bạn bè giới thiệu, ông Lý Thanh Q có quen với ông Nguyễn Văn H là thầu xây dựng sửa chữa, lắp đặt điện, nước cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê T. Sau đó, ông Nguyễn Văn H mua vật tư của ông Lý Thanh Q để thi công 03 (ba) công trình ở thành phố S, tỉnh S với số tiền hàng tính đến ngày 20/11/2023 là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Ông Nguyễn Văn H có viết và ký tên vào Biên nhận ngày 20/11/2023 và hứa sau khi thi công xong sẽ thanh toán tiền cho ông Lý Thanh Q. Tuy nhiên sau khi thi công xong các công trình cho khách hàng thì ông Nguyễn Văn H không chịu trả tiền hàng cho ông Lý Thanh Q. Ông Lý Thanh Q nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả tiền mua hàng hóa cho ông Lý Thanh Q nhưng ông Nguyễn Văn H tìm cách trốn tránh không chịu trả tiền cho ông Lý Thanh Q.

Ông Lý Thanh Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Văn H trả cho ông số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 24/11/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (21 tháng 28 ngày) với mức lãi suất 10%/năm với số tiền là 10.962.280 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi ông H trả hết nợ vay.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 485/TB-TLVA ngày 11 tháng 11 năm 2024, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Văn H nhưng ông Nguyễn Văn H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ hai lần đối với ông Nguyễn Văn H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn H đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu Q điềm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng Q hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua hàng còn nợ và lãi chậm trả là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Trong vụ án này, nguyên đơn ông Lý Thanh Q khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H trả cho ông số tiền mua hàng còn nợ 60.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 24/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 10%/năm. Khi Tòa án thụ lý vụ án đã xác định Q hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp đòi lại tài sản” là chưa chính xác. Nay Hội đồng xét xử xác định lại Q hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

[1.2]. Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[1.3]. Về tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn có nộp cho Tòa án chứng cứ là “Giấy cam kết trả nợ” viết tay trên giấy tập học sinh đề ngày 20/11/2023 với nội dung là ông H còn nợ cửa hàng Trung K số tiền 60.000.000 đồng, cam kết trả trong thời gian 03 ngày. Tòa án đã thông báo cho ông H biết về tài liệu, chứng cứ này nhưng ông H không phản đối. Do đó, căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện không pH chứng minh.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Ngày 20/11/2023, ông H có viết “Giấy cam kết trả nợ” hẹn sau 03 ngày sẽ trả cho ông Q số tiền mua hàng còn nợ 60.000.000 đồng. Nhưng ông H đã không thực hiện đúng cam kết.

[2.2]. Về lãi suất chậm trả: Quá trình mua bán, hai bên có thỏa thuận lãi suất chậm trả tiền là 10%/năm. Tại bút lục số 50, ông H có ghi “Nếu trễ hẹn, tôi chấp nhận chịu phạt 10% tiền”. Như vậy, ngày 20/11/2023, ông H hẹn 03 ngày sẽ trả số tiền nợ (Tức là ngày 23/11/2023). Tuy nhiên, ông H đã vi phạm cam kết. Vậy thời gian tính lãi suất chậm trả đối với số tiền ông H nợ là ngày 24/11/2023 với mức lãi suất 10%/năm. Việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả 10%/năm (Tương đương 0,833%/tháng) đối với số nợ 60.000.000 đồng tính từ ngày 24/11/2023 là đúng theo thỏa thuận giữa hai bên và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi từ ngày 24/11/2023 đến ngày 22/9/2025: 21 tháng 28 ngày:

$60.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 21 \text{ tháng} + [(60.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%):30 \text{ ngày}] \times 28 \text{ ngày} = 10.962.280 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền gốc và lãi là: 70.962.280 đồng (60.000.000 đồng + 10.962.280 đồng).

[2.3]. Việc ông H không trả số tiền còn nợ cho ông Q là vi phạm cam kết và vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Do đó, ông Q yêu cầu ông H pH có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ.

[3]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – C đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn pH chịu án phí theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 430, Điều 440, Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Thanh Q.

- Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lý Thanh Q số tiền gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả là 10.962.280 đồng (Mười triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm tám mươi đồng). Tổng cộng là 70.962.280 đồng (Bảy mươi triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm tám mươi đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lý Thanh Q cho đến khi thi hành án xong mà ông Nguyễn Văn H chậm trả tiền thì còn pH trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 10%/năm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn H pH nộp 3.548.114 đồng (Ba triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm mười bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lý Thanh Q không pH chịu án phí. Ông Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.650.000 đồng (Một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002179 ngày 25/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh S (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – C, thành phố C).

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn ông Lý Thanh Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn H thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 26 và 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND kv5 – C;
- Phòng THADS kv5 – C;
- TAND thành phố C ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân